**VÀI VẤN ĐỀ VỀ THI PHÁP THƠ TRUNG ĐẠI**

1. **Đặc trưng thi pháp:** hệ thống ước lệ thẩm mĩ cổ điển

* Ước lệ là một quy ước có tính cộng đồng. Ước lệ là một tín hiệu riêng của cộng đồng khi cảm hận thực tại, làm cho sự vật và hiện tượng hiện lên đúng với chiều kích quy ước và đúng với cách hiểu của cả cộng đồng.
* Ước lệ trong văn học là ước lệ thẩm mĩ của các nhà văn trong một thời đại, một dòng văn học nhất định.
* Văn học trung đại mang tính ước lệ:

+ Xã hội phong kiến là một xã hội đẳng cấp, lắm nghi thức công thức. Xã hội bị lễ nghĩa trói buộc nên văn chương tất phải ước lệ.

+ Tầng lớp Nho học xem sách xưa, lời nói của người xưa, của bậc thánh hiền là chuẩn mực nên coi văn chương của họ đạt đến mức chuẩn mực về bút pháp, dùng từ, xây dựng hình ảnh, hình tượng...

+ Quan niệm văn chương “thi dĩ ngôn chí” “ văn dĩ tải đạo”, sáng tác là hình thức trước thư lập ngôn, nên văn chương ước lệ mới đẹp, sang trọng. Văn chương càng ước lệ thì càng dễ dàng thực hiện chức năng giáo dục, truyền bá đạo lý, góp phần hình thành mẫu người phong kiến lý tưởng.

1. **Tính uyên bác và cách điệu hoá cao độ**

* Người sáng tác và người thưởng thức đều phải thông thuộc kinh sử, điển cố, điển tích, có vốn thi liệu, văn liệu phong phú từ những áng văn bất hủ của người xưa.
* Văn chương của “tao nhân mặc khách” muốn tạo ra một thế giới nghệ thuật riêng khác với thế giới đời thường🡪 Hình tượng được cách điệu hoá.

+ Thái độ xem thường văn xuôi vì ít cách điệu hoá

+ Con người trong văn chương phải đẹp một cách lý tưởng: tóc mây, mày ngài, gót sen, mặt hoa, da phấn...

+ Tạo vật thiên nhiên cũng đẹp sang trọng, cao quý: túng cúc trúc mai, long ly quy phụng...

+ Văn chương không chú ý tả thực. Tả thực chỉ dùng cho những nhân vật phản diện: Tú Bà, Mã Giám Sinh, Bùi Kiệm, Trịnh Hâm

*Con người Bùi Kiệm máu dê*

*Ngồi thề lê như sề thịt trâu*

*Thoắt trông nhờn nhợt màu da*

*Ăn chi cao lớn đẫy đà làm sao?*

1. **Tính sùng cổ**

* Do quan niệm thời gian tuyến tính 🡪 nhà văn có xu hướng quay về quá khứ, lấy quá khứ là chuẩn mực cho cái đẹp, cho lẽ phải, đạo đức. Chân lý quá khứ có sức toả muôn đời (thời đại vua Nghiêu Thuấn, lập luận của Nguyễn Trãi).
* Văn chương sử dụng nhiều điển tích, điển cố.

1. **Tính phi ngã**

* Do quy định của lễ giáo phong kiến, tính cá nhân chưa có điều kiện phát triển.
* Con người được nhìn nhận, đánh giá trên cơ sở của tầng lớp, giai cấp, dòng tộc, địa vị.Tình yêu tự do không được đề cao
* Người được tôn trọng, đề cao trong xã hội là người sống theo chuẩn mục, khắc kỉ, nhún nhường, thu mình lại để đề cao cái chung của cộng đồng.

1. **Thời gian nghệ thuật – không gian nghệ thuật**
2. **Thời gian vũ trụ**

* Cảm nhận thời gian bằng trực cảm, bằng những tín hiệu không gian, sự vận động của thiên nhiên và sự sống của con người: bốn mùa, thời vụ nông tang, cúc nở, quyên kêu...
* *“Cỏ non xanh rợn chân trời*

*Cành lê trắng điểm một vài bông hoa”*

* *“Dưới trăng quyên đã gọi hè*

*Đầu tường lửu lựu lập loè đâm bông”*

* Quan sát cận cảnh hàng ngày, người xưa nhận thức thời gian tuyến tính, một đi không trở lại.

*Hoàng hạc nhất khứ bất phục phản*

*Bạch vân thiên tải không du du*

* Quan sát thế giới từ xa, người xưa nhận thức thời gian vũ trụ tuần hoàn, thời gian quay tròn, không mất đi, tĩnh, ngưng đọng 🡪 con người như đóng khung trong thời gian, nhịp điệu trì trệ ấy:

+ Nguyễn Khuyễn ngụp lặn trong thời gian lắm màu sắc để cảm nhận nỗi bất lực của một kẻ sĩ vong quốc:

*“Năm gian nhà cỏ thấp le te*

*Ngõ tối đêm sâu đóm lập loè”*

+ Nguyễn Bỉnh Khiêm lại biểu đạt lối sống ẩn dật, nhàn tản trong sự ngưng đọng của thời gian 4 mùa tuần hoàn bất tận:

*“Thu ăn măng trúc đông ăn giá*

*Xuân tắm hồ sen hạ tắm ao”*

* Nho giáo quan niệm thời gian là một dòng chảy vô tận nhưng vì là một học thuyết chính trị với chủ trương nhập thế nên thời gian nghệ thuật trong thơ Nho thường gắn liền với tâm trạng, những biến thiên thăng trầm của lịch sử, thời đại 🡪 thời gian nghệ thuật luôn mang tính hoài niệm, hoài vọng về một triều đại đã qua

*“Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo*

*Nền cũ lâu đài bóng tịch dương”*

1. **Không gian nghệ thuật**

* Không gian vũ trụ: to lớn, khoáng đạt “đăng cao viễn vọng”
* Tuy nhiên không gian có khi diễn biến theo tâm trạng của người nghệ sĩ.

1. **Quan niệm con người**
2. **Con ngươi vũ trụ**

Khác với phương Tây do gắn liền với nghề chăn nuôi rày đây mai đó trên các thảo nguyên mênh mông rộng lớn, không mang tính ổn định. Con người phương Đông do gắn liền với dòng sông, bờ bãi, gắn liền với đất đai màu mỡ, trù phú nên mang tính ổn định lâu dài. Sinh sống trên mảnh đất tổ tiên để lại, gắn với đời sống nông nghiệp nên con người phương Đông thể hiện mối quan hệ đặc biệt với trời đất theo triết lí âm dương ngũ hành. (Dương là trời, là cha/ Âm là đất, là mẹ)

* Con người và thiên nhiên được nhìn như một khối thống nhất*. “Thiên nhân hợp nhất/ thiên nhiên tương dữ)*. Con người là tiểu vũ trụ luôn tìm về hội nhập cùng đại vũ trụ.
* Con người vũ trụ được thể hiện: con người giao cảm, đối diện, đàm tâm với vạn vật vũ trụ, có kích thước vũ trụ.

+ Đối diện với đất trời:

*-“Tiền bất kiến cổ nhân*

*Hậu bất kiến lai giả*

*Niệm thiên địa chi du du*

*Độc thương nhiên nhi thế hạ”*

+ Khi thề nguyền cũng mượn sông núi chứng giám:

*“Vầng trăng vằng vặc giữa trời*

*Đinh ninh hai miệng một lời song song”*

+ Tầm vóc lớn lao ngang tầm vũ trụ:

- *“Vòng trời đất dọc ngang ngang dọc*

*Nợ tang bồng vay trả trả vay*

*Chí làm trai nam bắc đông tây*

*Cho phỉ sức vẫy vùng trong bốn bể”*

(Nguyễn Công Trứ)

*- “Hoành sóc giang sơn kháp kỉ thu*

*Tam quân tì hổ khí thôn ngưu”*

(Phạm Ngũ Lão)

* Con người ứng xử với quy luật tuần hoàn của vũ trụ, âm dương tiêu trưởng cơ màu 🡪 quy luật “xuất xử”, “hành tàng” ung dung thanh thản.

*“Trênđời có thông*

*Muôn dặm biếc mông lung*

*Ta thảnh thơi nằm ngủ bên trong”*

*\*****Từ thế kỉ XIII trở về sau khi Nho giáo từng bước lấn sang vũ đài chính trị thì quan niệm nghệ thuật về con người trong thơ ca đã có nhiều thay đổi. Tuy cảm hững chủ đạo vẫn là con người vũ trụ nhưng con người trong thơ Nho lại mang đầy tâm trạng gắn liền với bổn phận, với cuộc đời. (Nguyễn Khuyễn)***

1. **Con người đạo đức:**

- Nhân vật phân làm hai tuyến rõ rết: thiện – ác; chính – tà, quân tử - tiểu nhân.

- Cho rằng: cõi trần gian tội lỗi, cõi trời đất cao cả thánh thiện 🡪 hướng đến cái cao cả, thiên về cái đẹp phi vật chất, phi tính dục, phi thân xác. 🡪 hình tượng văn học chủ yếu được xây dựng bằng thị giác, thính giác.

- Xây dựng những chuẩn mực đạo đức chung của giai cấp: trung – hiếu – lễ - nghĩa; công – dung – ngôn – hạnh.

“*Trai thời trung hiếu làm đầu*

*Gái thời tiết hạnh làm câu trau mình”*

**3. Con người phi cá nhân:**

- Xã hội phong kiến về phương diện kinh tế không dựa trên nền tảng cá nhân 🡪 con người chưa được nhìn nhận như một cá thể ý thức.

- giá trị cá nhân không được xem xét từ bản thân phẩm chất cá nhân mà ở vai trò của cá nhân trong mối quan hệ giai tầng.

- Con người được xây dựng trong mối quan hệ tình và nghĩa, không có tình yêu cá nhân.

- Miêu tả tâm lí nhân vật thông qua hành động (thủ pháp ngoại hiện). Không có ngôn ngữ nhân vật mà chỉ là lời của tác giả 🡪 nhân vật thiếu cá tính, tính cách.

4**. Con người ý thức:**

- Cuối thế kỉ XVIII: những giá trị đạo đức bị băng hoại, khởi nghĩa nông dân nổi dậy, hệ tư tưởng phong kiến bị tấn công dữ dội đang có nguy cơ sụp đổ, ý thức cá nhân trổi dậy khi con người cá thể cảm thấy bị trói buộc nặng nề phi lý của lễ giáo phong kiến lỗi thời.

- Tiếng nói đòi quyền sống, hạnh phúc của Hồ Xuân Hương. Nữ sĩ đã hạ bệ, phàm tục hoá đấng quân tử , làm xô lệch thế giới nghệ thuật trang nghiêm, đạo mạo của các bậc Hán học 🡪 chất nhân văn trong thơ

*“Trai đu gối hạc lom khom cật*

*Gái uốn lưng ong ngửa ngửa lòng”*

(Đánh đu)

- Chủ trương hưởng lạc để khẳng định bản thể cá nhân của NCT. Tự ý thức: tài năng, phẩm chất, bản lĩnh của mình (khác người, hơn người) trong quan niệm về công danh, thú vui nhàn hưởng lạc, cái riêng của bản thân mình 🡪 Nhà nho tài tử, phong lưu, tự do.

🡪 ***Tiền đề cho sự phát triển con người cá nhân trong văn học sau này (hiện đại) khi có sự hội nhập với văn hoá phương Tây.***